

Số: 35 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 01 tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm hoạt hình thông minh cho trẻ em phục vụ xuất khẩu”;

Xét Văn bản số 1407/2022 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Công ty TNHH Kỹ thuật Hoạt hình Firstunion Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm hoạt hình thông minh cho trẻ em phục vụ xuất khẩu” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 352/TTr-STNMT ngày 22 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Kỹ thuật Hoạt hình Firstunion Việt Nam, địa chỉ tại Lô CCN 1, Cụm công nghiệp Thụy Sơn, xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm hoạt hình thông minh cho trẻ em phục vụ xuất khẩu” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm hoạt hình thông minh cho trẻ em phục vụ xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CCN1, Cụm công nghiệp Thụy Sơn, xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7696947578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 07/05/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 18/06/2021. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1001188275 do Sở Kế hoạch và Đầu

tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 17/05/2019, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 25/06/2021.

1.4. Mã số thuế: 1001188275

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và gia công các sản phẩm hoạt hình thông minh (trò chơi mô hình thông minh).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án khoảng 42.702,7 m² thuộc lô CCN 1 tại cụm công nghiệp Thụy Sơn, xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế giai đoạn 1 là 3.500.000 bộ sản phẩm/năm; Tổng công suất thiết kế cả 2 giai đoạn là 5.500.000 bộ sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kỹ thuật Hoạt hình Firstunion Việt Nam

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.


Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *Th*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thái Thụy;
- Công ty TNHH KTHH Firstunion VN;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT. *ES*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 35 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thụy Sơn; nước thải sản xuất sau xử lý được tuần hoàn lại quá trình sản xuất tại dự án, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 07 bể tự hoại (02 bể khu nhà A, 01 bể khu nhà B, 01 bể khu nhà C, 01 bể khu nhà D và 02 bể khu nhà F), tổng dung tích 175 m³ và từ khu vực nhà bếp được thu gom, xử lý sơ bộ. Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Thụy Sơn để xử lý bằng đường ống tròn PVC D160.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các nguồn:

- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn tự động tầng 3 nhà D;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn tay + hong khô tầng 3 nhà D;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực phun thủ công tầng 3 nhà D;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực hong khô + máy ép nhựa tầng 1 nhà D;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực phun mực tầng 3 nhà D,
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực sửa hàn và máy hàn thiếc tầng 2 nhà D;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực phòng thí nghiệm tầng 1, 2 nhà A;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực kho dụng cụ tầng 1 và kho khuôn mẫu tầng 1-2 tòa nhà B;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực ép nhựa + hong khô tầng 1 tòa nhà C;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực điều chế sơn tầng 3 tòa nhà C;
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực máy in Tempo+ máy in Tempo tự động xưởng I in Tempo tầng 3 nhà C.

Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh được thu gom bằng đường ống PVC D 100 về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy để xử lý.

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể bẫy xỉ (lọc rác) → Bể điều chỉnh pH1, trộn nhanh 1, trộn chậm 1 → Bể lắng sơ cấp → Bể nước sạch sơ cấp → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể trộn chậm 2, bể trộn nhanh 2, để điều chỉnh pH2 → Bể lắng thứ cấp → Bể nước sạch thứ cấp → cột lọc → Bể nước tái sử dụng.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất khử độ bám dính (hỗn hợp) Phosphoric acid, sulfuric acid, Benzotriazole (H₃PO₄, H₂SO₄, C₆H₅N₃); chất điều chỉnh nồng độ pH (H₂SO₄); chất đông tụ, keo tụ (PAM); chất tạo bông (PAC); chất khử mùi Phen nhôm sunfat (Al₂(SO₄)₃.18H₂O).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom tránh hiện tượng tắc nghẽn; kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống, kịp thời phát hiện sự cố.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm các yêu cầu vận hành.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Khi phát hiện nước thải sản xuất sau xử lý có dấu hiệu ô nhiễm, không đạt tiêu chuẩn tái sử dụng, Công ty sẽ liên hệ ngay với đơn vị quan trắc đủ năng lực để lấy mẫu kiểm tra đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý. Trường hợp nước thải có một số thông số không đạt chất lượng nước tái sử dụng, nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý; nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài, nước thải vượt ngưỡng lưu chứa của bể điều hòa thì Công ty sẽ tạm ngừng một số công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải để bảo đảm nước thải không đạt tiêu chuẩn phát sinh ra ngoài môi trường.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Đã hoàn thành Kế hoạch vận hành thử nghiệm (Thực hiện vận hành thử nghiệm từ ngày 28/9/2021 đến 24/12/2021).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt (từ các bể tự hoại, nhà bếp ăn) đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thụy Sơn để xử lý đảm bảo theo quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sản xuất của nhà máy đảm bảo đạt yêu cầu chất lượng nước tái sử dụng.

3.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải ra ngoài môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn tự động tầng 3 nhà D, lưu lượng 75.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn tự động tầng 3 nhà D, lưu lượng 75.000 m³/giờ.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn tay + hong khô của tầng 3 nhà D, lưu lượng 60.000 m³/giờ.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ khu vực phun thủ công tầng 3 nhà D, lưu lượng 96.000 m³/giờ.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ khu vực hong khô + máy ép nhựa tầng 1 nhà D, lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ khu vực phun mực tầng 3 nhà D, lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ khu vực sửa hàn và máy hàn thiếc tầng 2 nhà D, lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ khu vực phòng thí nghiệm tầng 1, 2 nhà A, lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ khu vực kho dụng cụ tầng 1 và kho khuôn mẫu tầng 1-2 tòa nhà B, lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ khu vực ép nhựa + hong khô tầng 1 tòa nhà C, lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ khu vực điều chế sơn tầng 3 tòa nhà C, lưu lượng 30.000 m³/giờ.
- Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ khu vực máy in Tempo+ máy in Tempo tự động xưởng 1 in Tempo tầng 3 nhà C, lưu lượng 60.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói số 01 của hệ thống xử lý khí thải số 01 (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274098; Y = 656130.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói số 02 của hệ thống xử lý khí thải số 02 (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274095; Y = 656133.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói số 03 của hệ thống xử lý khí thải số 03

(nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274088; Y = 656134.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói số 04 của hệ thống xử lý khí thải số 04 (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274084; Y = 656138.

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói số 05 của hệ thống xử lý khí thải số 05 (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274098; Y = 656130.

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống khói số 06 của hệ thống xử lý khí thải số 06 (nguồn số 06), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274095; Y = 656134.

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống khói số 07 của hệ thống xử lý khí thải số 07 (nguồn số 07), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274088; Y = 656134.

- Dòng khí thải số 08: Tương ứng với ống khói số 08 của hệ thống xử lý khí thải số 08 (nguồn số 08), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274378; Y = 603833.

- Dòng khí thải số 09: Tương ứng với ống khói số 09 của hệ thống xử lý khí thải số 09 (nguồn số 09), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274091; Y = 656156.

- Dòng khí thải số 10: Tương ứng với ống khói số 10 của hệ thống xử lý khí thải số 10 (nguồn số 10), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274075; Y = 656148.

- Dòng khí thải số 11: Tương ứng với ống khói số 11 của hệ thống xử lý khí thải số 11 (nguồn số 11), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274082; Y = 656155.

- Dòng khí thải số 12: Tương ứng với ống khói số 12 của hệ thống xử lý khí thải số 12 (nguồn số 12), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2274364; Y = 603831.

(Hệ tọa độ theo VN 2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3⁰)

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại cụm công nghiệp Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 75.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 75.000 m³/giờ

- Dòng khí thải (số 03 và số 12): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 60.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 96.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải (số 05, số 06, số 07, số 08, số 09, số 10 và số 11): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, áp dụng Kp = 09, Kv = 1; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	03 tháng/lần

2	Toluene	mg/Nm ³	750	06 tháng/lần
3	Xylene	mg/Nm ³	870	06 tháng/lần
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400	06 tháng/lần
5	Thiếc và hợp chất tính theo thiếc	mg/Nm ³	-	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn (số 01, số 02, số 03, số 04, số 05, số 06 và số 07) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải tương ứng (số 01, số 02, số 03, số 04, số 05, số 06 và số 07) lắp đặt tại mái tầng 3 nhà D để xử lý.

- Nguồn (số 08, số 10, số 11 và số 12) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải tương ứng (số 08, số 10, số 11 và số 12) lắp đặt tại mái tầng 3 nhà C để xử lý.

- Nguồn số 09 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải 09 lắp đặt tại mái tầng 2 nhà B để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Tất cả hệ thống xử lý khí thải của nhà máy có cùng quy trình công nghệ xử lý: Hơi dung môi, bụi sơn → Quạt hút → Tháp hấp thụ (bổ sung dung dịch NaOH) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → khí thải sau xử lý → Ống khói.

- Công suất thiết kế:

Hệ thống xử lý khí thải (số 01, số 02): công suất 75.000 m³/giờ; hệ thống xử lý khí thải số 03: công suất 60.000 m³/giờ; hệ thống xử lý khí thải số 04: công suất 96.000 m³/giờ; hệ thống xử lý khí thải (số 05, số 06, số 07, số 08, số 09, số 10, số 11): công suất 30.000 m³/giờ; hệ thống xử lý khí thải số 12: công suất 60.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị xử lý khí thải.

- Xây dựng đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời; dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố

để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Đã hoàn thành Kế hoạch vận hành thử nghiệm (Thực hiện vận hành thử nghiệm từ ngày 28/9/2021 đến 24/12/2021).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty TNHH kỹ thuật hoạt hình Firstunion Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn 01: Từ khu vực nhà xưởng sản xuất ép nhựa.
- Nguồn 02: Từ khu vực xử lý khí thải.
- Nguồn 03: Từ khu vực xử lý nước thải sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Xưởng ép nhựa tọa độ: X = 2274075, Y = 656148.
- Nguồn số 02: Tại các tọa độ: X = 2274098, Y = 656130; X = 2274378, Y = 603833; X = 2274091, Y = 656156.
- Nguồn số 03: tọa độ: X = 2274557, Y = 603900.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiều 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt một số thiết bị (đệm cao su, lò xo...) để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất và hoạt động của các thiết bị xử lý nước thải, khí thải.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

1/12



Phụ lục 4

**PHÒNG NGỪ VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪ VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 35 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI
1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:
1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Chất hấp thụ , vật liệu giặt lau, giặt lau dính dầu , bộ lọc than hoạt tính	18 02 01	614,15
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,3
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ thùng sơn, dung môi...)	18 01 02	100
4	Mực in có thành phần nguy hại	08 02 01	1
5	Dầu động cơ , hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	8,3
6	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	19 02 05	1
7	Bùn thải lắng sơn có thành phần nguy hại	08 01 02	2.591,9
TỔNG KHỐI LƯỢNG			3.316,65

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/tháng)
1	Phế liệu giấy vụn, hộp màu, bìa	1.334
2	Phế liệu nilong	212
3	Phế liệu sắt vụn	38
4	Phế liệu nhựa	22.300
TỔNG KHỐI LƯỢNG		23.884

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	6.000
TỔNG KHỐI LƯỢNG		6.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy có nắp đậy.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 25 m² đặt tại tầng 01 nhà F.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường xây gạch vữa bê tông, nền bê tông, mái bê tông cốt thép, cửa gỗ, cột nền cao hơn đường nội bộ 10 cm.

+ Trong kho bố trí các thùng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại; bố trí các dụng cụ, thiết bị, vật liệu: dụng cụ phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để xử lý sự cố rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 45 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có kết cấu hệ thống khung thép, nền bê tông, gờ chống tràn và có biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng thùng đựng rác có nắp đậy đặt tại các khu vực (nhà văn phòng, nhà ăn ca, khu nhà vệ sinh) cuối ngày nhân viên vệ sinh thu gom về vị trí tập kết, hợp đồng với Tổ thu gom rác thải sinh hoạt của xã Thụy Sơn vận chuyển, xử lý; nhà máy không bố trí khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 35/GPMT-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm hoạt hình thông minh cho trẻ em phục vụ xuất khẩu”.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
3. Thực hiện quan trắc định kỳ và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.
4. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

THAI